TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thúy Hằng.

2. Bà Lê Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Phú - Thư ký Toà án khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Thùy P; sinh năm 1992; số CCCD: 045192005933; địa chỉ: thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2 Bị đơn: anh Nguyễn Đăng T; sinh năm 1983; số CCCD: 045083004910; địa chỉ: thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2026 và bản trình bày ý kiến, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy P trình bày: Chị P và anh Nguyễn Đăng T đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2012 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị). Sau quá trình chung sống, chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2026 đến nay. Hiện nay, chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hàn gắn được nên yêu cầu Toà án cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T.

Về con chung: Chị P và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2012; Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày 20/9/2014; Nguyễn

Trần Bảo A, sinh ngày 23/10/2018. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc không đến tham gia phiên toà được nên chị Trần Thị Thùy P đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Nguyễn Đăng T không trình bày ý kiến gì, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy P, xử cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2012; Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày 20/9/2014; Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 23/10/2018 cho chị Trần Thị Thùy P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đăng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã N, tỉnh Quảng Trị nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn chị Trần Thị Thùy P và bị đơn anh Nguyễn Đăng T. Chị P đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên họp và đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy P và anh Nguyễn Đăng T kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 25/5/2012. Quá trình chung sống vợ chồng chị P, anh T phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp tính tình, cách sống. Hiện nay, chị P và anh T không còn chung sống với nhau. Anh T không đến tham gia các phiên hòa giải, không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị P xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Thùy P và anh Nguyễn Đăng T có 03 con chung là các cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2012; Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày 20/9/2014; Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 23/10/2018. Xét thấy, hiện nay cháu đang được chị P và gia đình chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị P có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Các cháu N, T1, A đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị P, giao các cháu Nguyễn Trần Bảo N, Nguyễn Trần Bảo T1, Nguyễn Trần Bảo A cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thùy P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thùy P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn

nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thùy P.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy P được ly hôn anh Nguyễn Đăng T.

Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 27/10/2012; Nguyễn Trần Bảo T1, sinh ngày 20/9/2014; Nguyễn Trần Bảo A, sinh ngày 23/10/2018 cho chị Trần Thị Thùy P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đăng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị Thùy P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002557 ngày 03/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Nam Hải Lăng;
- Công an xã Nam Hải Lăng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bùi Diệu Lương